**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn nghi luận | **3** | **0** | **3** | **0** | **0** | **1** | **0** | **1** | **6,0** |
| **2** | **Viết** | - Nêu vai trò của việc xây dựng thói quen tốt .  - Trình bày ý kiến tán thành hoặc phản đối về một vấn đề… | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 4,0 |
| **Tổng** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***20%*** | ***10%*** | ***0*** | ***30%*** | ***0*** | ***10%*** | ***100%*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn nghị luận. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt trong văn nghi luận.  - Xác định được biện pháp tu từ, phép liên kết.  - Nhận biết được thói quen tốt và xấu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tác hại của thói quen xấu và vai trò của thói quen tốt.  - Biết cách xây dựng thói quen tốt và sửa thói quen xấu.  **Vận dụng:**  - Trình bày được suy nghĩ của bản thân khi xây dựng được thói quen tốt.  - Đánh giá được giá trị của việc rèn luyện thói quen tốt. | 4TN | 4TN | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề bài: về kiểu văn bản, về nội dung của bài văn.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản, độ dài)  **Vận dụng:** Viết được bài văn nêu ý kiến về vấn đề đời sống.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **2TN** | **4TN** | **1 TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***20%*** | ***20%*** | ***40%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40%** | | **20%** | **40%** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ văn 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút*. |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)** Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

*Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*

*Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn vì thói quen hút thuốc lá, nên cũng có thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, cả trong phòng khách lịch sự, sạch bong. Người biết lịch sự thì còn sửa một chút bằng cách xin chủ nhà cho mượn cái gạt tàn.*

***Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường… Thói quen này thành tệ nạn…*** *Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác… Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến cho nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.*

*Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.*

*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên, mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.*

(Theo Băng Sơn, Giao tiếp đời thường, Ngữ văn 7, Nxb Giáo dục 2016)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong văn bản là:

A. Tự sự B. Nghị luận C. Miêu tả D. Thuyết minh

**Câu 2**. Câu văn: “*Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh. B. Nói quá C. Liệt kê. D. Hoán dụ.

**Câu 3.** Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:“*Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*”

A. Có nhiều thói quen tốt.

B. Khẳng định ai cũng có thói quen tốt .

C. Nhấn mạnh những thói quen tốt để thức tỉnh mọi người.

D. Nhấn mạnh, chỉ rõ có rất nhiều thói quen tốt gần gũi, bình dị trong cuộc sống hàng ngày của mỗi chúng ta.

**Câu 4**. Phép liên kết nào được sử dụng trong đoạn văn in đậm?

A. Phép lặp, phép nối B. Phép thế, phép liên tưởng

C. Phép lặp, phép thế D. Phép lặp, phép liên tưởng

**Câu 5.** Theo tác giả, “*thói quen vứt rác bừa bãi”*gây ra những hậu quả gì?

A. Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác.

B. Trẻ em, cụ già giẫm phải cốc vỡ, chai vỡ, chảy máu chân rất nguy hiểm.

C. Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, mất vệ sinh nặng nề.

D. Con mương thành con sông rác, rác ùn ứ gây mất vệ sinh nặng nề, giẫm phải cốc vỡ, chai vỡ chảy máu chân nguy hiểm.

**Câu 6.** Câu tục ngữ: “*Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi”* thể hiện thói quen tốt đẹp nào?

A. Giữ lời hứa, giữ chứ tín B. Có tinh thần trách nhiệm

C. Chăm chỉ, tích cực học hỏi D. Sẵn lòng giúp đỡ người khác

**Câu 7:** Theo em, những thói quen tốt đem lại lợi ích gì cho bản thân và xã hội?

**Câu 8:** Tác giả Băng Sơn đã khẳng định: “*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.”* Em đã làm gì để rèn luyện cho bản thân mình những thói quen tốt?Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng.

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 điểm).** Học sinh chọn một trong hai đề sau:

**Đề số 1:** Hãy viết bài văn nghị luận trình bày tính đúng đắn của câu tục ngữ: *“Thương người như thể thương thân”.*

**Đề số 2:** Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: *“Trải nghiệm khiến chúng em trưởng thành hơn”.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **KIỂM TRA HKII**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phần I (6,0 điểm)** | **Điểm** |
| **Trắc nghiệm**  **3,0 điểm** | 1. B  2. C  3. D  4. C  5. D  6. C | Mỗi câu 0,5 điểm |
| **Câu 7**  **1 điểm** | *- Bản thân: có nhiều thói quen tốt hơn, hoàn thiện bản thân, trở thành người tốt, người có ích, được yêu quý…*  *- Xã hội: nhiều người tốt, lan tỏa lối sống đẹp, xã hội văn minh, tiến bộ…* | 1 |
| **Câu 8**  **2 điểm** | * Hình thức: HS trình bày thành đoạn văn đúng yêu cầu từ 3 – 5 dòng * Nội dung: Trình bày được những việc làm để rèn luyện thói quen tốt:   *+ Rèn kuyện thường xuyên*  *+ Quyết tâm thực hiện đến cùng*  *+ Không bỏ dở công việc*  *+ Xây dựng mục tiêu và hành động để thực hiện tốt mục tiêu đề ra* | 0,5 đ  1,5 đ |
|  | **Phần II ( 4,0 điểm)** |  |
| **Viết**  **4,0 điểm** | HS viết bài văn cần đảm bảo yêu cầu chung sau:  **Đề 1:**  **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**  - Mở bài nêu được ý kiến tán thành về ý kiến đưa ra  - Thân bài triển khai được vấn đề NL theo trình tự lập luận.  - Kết bài khái quát được ý nghĩa vấn đề.  ***b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.**  Trình bày được suy nghĩ của bản thân về tính đúng đắn của câu ý kiến  ***c.* Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.**  **1. Mở bài:**  **-** Nêu được vấn đề cần bàn luận (đưa được ý kiến vào)   Nêu được quan điểm tán thành  **2. Thân bài**  Lần lượt trình bày những ý kiến tán  + Giải thích được nội dung của ý kiến: *Smartphon có vai trò quan trọng và hiện tượng sử dụng không hợp lý, sai mục đích của giới trẻ*  + Vai trò của *Smartphon* ( có dẫn chứng phù hợp)   * Trong mọi khía cạnh của cuộc sống: kết nối toàn cầu, các lĩnh vực khoa học, đời sống xã hội .... * Thanh toán onlie tiện lợi * Làm việc và cập nhật từ xa * Giải trí với nhiều lựa chọn ....   + Sử dụng chưa hợp lí, sai mục đích  - Nhắn tin, gọi điện bất kì thời gian nào kể cả lúc đang học, đang làm việc làm ảnh hưởng nhiều người.  - Vào các trang mạng không phù hợp lứa tuổi...  - Sử dụng chơi game bất chấp thời gian ...  .......  **3. Kết bài:** Liên hệ bản thân  - Đưa ra bài học, liên hệ bản thân   * **Đề 2:**   **1. Mở bài:**   Nêu được vấn đề cần bàn luận (đưa được ý kiến vào)   Nêu được quan điểm phản đối.  **2. Thân bài**  - Lần lượt trình bày lí do phản đối  - Nói được vai trò của sách đối với sự hình thành nhân cách và cung cấp tri thức.  - Không thể đợi đến khi giàu có hoặc nhàn hạ mới đọc sách ( lí lẽ và dẫn chứng)  - Phản đề: đưa ra những tác hại của việc lười đọc sách  - Liên hệ bản thân.  **3. Kết bài:** Khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách ngay từ khi còn nhỏ, ở mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh...  ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***e. Sáng* tạo:**  Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về vấn đề được đưa ra; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục  *HS có thể trình bày theo các cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo đúng đặc trưng văn NLXH (lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng liên hệ đời sống, phân tích đánh giá được các mặt của vấn đề…). Khuyến khích những bài làm thể hiện cách hiểu đúng về vấn đề và phương pháp.* | 0,25        0.25  0.25  2.5  0.25  0.5 |